BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP TP.HCM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

# DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Xét tốt nghiệp tháng 10.2023

| STT | Mã SV | Họ đệm | Tên | Ngày sinh | Nơi sinh | Phái | Lớp học | STC TL | TBCT K_10 | TBC TL | Xếp loại TN |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | **Khoa Công nghệ Hóa học** | | | | | | | | | | |
| 1 | 17101371 | Trần Thị Kim | Hồng | 01/07/1999 | Tỉnh Quảng Ngãi | Nữ | DHHC13B | 125 | 7,00 | 2,73 | Khá |
| 2 | 17071471 | Trần Thị Thùy | Vân | 08/06/1999 | Thành phố Hồ Chí Minh | Nữ | DHHC13B | 125 | 7,20 | 2,83 | Khá |
| 3 | 18053621 | Phạm Tiểu | Đình | 28/06/2000 | Thành phố Hồ Chí Minh | Nữ | DHHC14A | 128 | 6,40 | 2,40 | Trung bình |
| 4 | 18050461 | Lê Trung | Nghĩa | 06/10/2000 | Tỉnh An Giang | Nam | DHHC14A | 128 | 7,90 | 3,22 | Giỏi |
| 5 | 18061361 | Nguyễn Kim | Phụng | 12/08/2000 | Thành phố Hồ Chí Minh | Nữ | DHHC14A | 128 | 6,90 | 2,62 | Khá |
| 6 | 18054111 | Lương Văn | Thạch | 22/02/2000 | Tỉnh Phú Yên | Nam | DHHC14A | 128 | 7,50 | 3,02 | Khá |
| 7 | 18063961 | Trần Thị Mai | Hương | 18/03/2000 | Tỉnh Tiền Giang | Nữ | DHHC14B | 128 | 7,20 | 2,85 | Khá |
| 8 | 18072881 | Nguyễn Hoài | Khang | 01/12/2000 | Thành phố Hồ Chí Minh | Nam | DHHC14B | 128 | 6,90 | 2,71 | Khá |
| 9 | 18082151 | Huỳnh Nhật | Thanh | 27/01/2000 | Tỉnh Lâm Đồng | Nam | DHHC14B | 128 | 7,10 | 2,86 | Khá |
| 10 | 18055541 | Trần Thị Thu | Thảo | 15/10/2000 | Tỉnh Tây Ninh | Nữ | DHHC14B | 128 | 7,60 | 3,08 | Khá |
| 11 | 19442901 | Nguyễn Lý Vân | Anh | 15/08/2001 | Tỉnh Đồng Tháp | Nữ | DHHC15 | 128 | 7,80 | 3,24 | Giỏi |
| 12 | 19429971 | Phạm Ngọc Duy | Cường | 09/07/2001 | Thành phố Hồ Chí Minh | Nam | DHHC15 | 128 | 8,40 | 3,53 | Giỏi |
| 13 | 19487081 | Nguyễn Lê Minh | Đức | 29/09/2001 | Tỉnh Khánh Hòa | Nam | DHHC15 | 128 | 8,90 | 3,79 | Xuất sắc |
| 14 | 19503421 | Cao Minh | Duy | 05/07/2001 | Tỉnh An Giang | Nam | DHHC15 | 128 | 7,50 | 3,08 | Khá |
| 15 | 19480621 | Nguyễn Thị Mỹ | Duyên | 10/12/2001 | Tỉnh Bình Định | Nữ | DHHC15 | 128 | 7,90 | 3,25 | Giỏi |
| 16 | 19443671 | Nguyễn Thụy Kiều | Duyên | 25/05/2001 | Thành phố Hồ Chí Minh | Nữ | DHHC15 | 128 | 8,00 | 3,35 | Giỏi |
| 17 | 19434721 | Cao Thị Huỳnh | Giao | 09/01/2001 | Tỉnh Đồng Tháp | Nữ | DHHC15 | 128 | 7,70 | 3,14 | Khá |
| 18 | 19441381 | Vũ Trường | Hải | 14/10/2001 | Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu | Nam | DHHC15 | 128 | 7,90 | 3,34 | Giỏi |
| 19 | 19499831 | Nguyễn Ngọc | Lâm | 05/05/2001 | Thành phố Hồ Chí Minh | Nam | DHHC15 | 128 | 7,30 | 2,89 | Khá |
| 20 | 19494041 | Chu Đức | Luân | 13/10/2001 | Tỉnh Nghệ An | Nam | DHHC15 | 128 | 7,00 | 2,76 | Khá |
| 21 | 19433681 | Nguyễn Kiều | Mơ | 29/06/2001 | Tỉnh Bình Định | Nữ | DHHC15 | 128 | 7,80 | 3,17 | Khá |
| 22 | 19431711 | Dương Phạm Ngọc | Nam | 13/01/2001 | Tỉnh Phú Yên | Nam | DHHC15 | 128 | 8,30 | 3,48 | Giỏi |

| STT | Mã SV | Họ đệm | Tên | Ngày sinh | Nơi sinh | Phái | Lớp học | STC TL | TBCT K_10 | TBC TL | Xếp loại TN |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 23 | 19506101 | Lê Hoàng | Nam | 17/12/2001 | Tỉnh An Giang | Nam | DHHC15 | 128 | 7,70 | 3,21 | Giỏi |
| 24 | 19434771 | Nguyễn Thị Kim | Ngân | 07/06/2001 | Tỉnh Đồng Tháp | Nữ | DHHC15 | 128 | 7,10 | 2,84 | Khá |
| 25 | 19440561 | Dương Thị Như | Ngọc | 19/02/2001 | Tỉnh Long An | Nữ | DHHC15 | 128 | 7,70 | 3,15 | Khá |
| 26 | 19452681 | Trần Minh | Quân | 11/11/2001 | Thành phố Hồ Chí Minh | Nam | DHHC15 | 128 | 8,10 | 3,36 | Giỏi |
| 27 | 19479891 | Huỳnh Thanh | Quang | 10/01/2001 | Tỉnh Kiên Giang | Nam | DHHC15 | 128 | 8,20 | 3,42 | Giỏi |
| 28 | 19474021 | Phan Anh | Quốc | 15/10/2001 | Tỉnh Vĩnh Long | Nam | DHHC15 | 128 | 7,80 | 3,19 | Khá |
| 29 | 19535051 | Phạm Minh | Tân | 24/07/2001 | Tỉnh Bình Dương | Nam | DHHC15 | 128 | 7,60 | 3,05 | Khá |
| 30 | 19429371 | Nguyễn Thị Thanh | Thảo | 27/01/2001 | Tỉnh Đồng Nai | Nữ | DHHC15 | 128 | 7,90 | 3,28 | Giỏi |
| 31 | 19472201 | Huỳnh Thị Thi | Thơ | 09/12/2001 | Tỉnh Bình Phước | Nữ | DHHC15 | 128 | 7,70 | 3,16 | Khá |
| 32 | 19534861 | Nguyễn Văn Hàn | Thuyên | 02/11/2001 | Tỉnh Quảng Nam | Nam | DHHC15 | 128 | 8,20 | 3,40 | Giỏi |
| 33 | 19520291 | Trần Quỳnh | Trang | 04/04/2001 | Tỉnh Lâm Đồng | Nữ | DHHC15 | 128 | 7,30 | 2,96 | Khá |
| 34 | 19535251 | Trần Thị Phương | Trinh | 10/06/2001 | Tỉnh Bình Thuận | Nữ | DHHC15 | 128 | 7,30 | 2,93 | Khá |
| 35 | 19434531 | Lê Thị Hồng | Vân | 16/11/2001 | Tỉnh Hà Nam | Nữ | DHHC15 | 128 | 7,70 | 3,16 | Khá |
| 36 | 19509401 | Đinh Quốc | Việt | 02/09/2001 | Tỉnh Đồng Nai | Nam | DHHC15 | 128 | 7,80 | 3,21 | Giỏi |
| 37 | 19525841 | Nguyễn Trần Hà | Vy | 13/12/2001 | Thành phố Hồ Chí Minh | Nữ | DHHC15 | 128 | 7,50 | 3,01 | Khá |
| 38 | 19433451 | Võ Thúy | Vy | 10/03/2001 | Tỉnh An Giang | Nữ | DHHC15 | 128 | 8,00 | 3,33 | Giỏi |
| 39 | 17103781 | Nguyễn Thị | Huệ | 06/11/1999 | Tỉnh Quảng Bình | Nữ | DHHD13A | 125 | 7,70 | 3,13 | Khá |
| 40 | 18018231 | Nguyễn Thành | Lâm | 01/09/2000 | Tỉnh Đắk Lắk | Nam | DHHD14 | 128 | 6,70 | 2,56 | Khá |
| 41 | 18069561 | Nguyễn Văn | Thắng | 20/01/2000 | Tỉnh Kon Tum | Nam | DHHD14 | 128 | 6,70 | 2,54 | Khá |
| 42 | 18072221 | Nguyễn Văn | Thìn | 04/10/2000 | Tỉnh Bình Định | Nam | DHHD14 | 128 | 7,20 | 2,86 | Khá |
| 43 | 19433891 | Lê Thị Thanh | Nhơn | 06/09/2001 | Tỉnh Bình Dương | Nữ | DHHD15 | 128 | 7,00 | 2,76 | Khá |
| 44 | 19524561 | Nguyễn Phúc | Thuận | 20/10/2001 | Tỉnh Tiền Giang | Nam | DHHD15 | 128 | 8,00 | 3,34 | Giỏi |
| 45 | 15104941 | Huỳnh Văn | Công | 03/09/1995 | Tỉnh Vĩnh Long | Nam | DHHO11CTT | 139 | 7,00 | 2,79 | Khá |
| 46 | 15104631 | Phạm Minh | Thuật | 20/10/1997 | Tỉnh Khánh Hòa | Nam | DHHO11CTT | 139 | 6,60 | 2,53 | Khá |
| 47 | 15059201 | Đỗ Thành | Danh | 10/06/1997 | Thành phố Hồ Chí Minh | Nam | DHHO11D | 125 | 6,10 | 2,14 | Trung bình |
| 48 | 16014101 | Trần Trường | Thanh | 21/01/1998 | Tỉnh Long An | Nam | DHHO12A | 125 | 6,40 | 2,35 | Trung bình |
| 49 | 16022071 | Cao Đình | Chương | 26/05/1998 | Tỉnh Đồng Tháp | Nam | DHHO12ATT | 139 | 6,40 | 2,38 | Trung bình |
| 50 | 16031191 | Cao Trần Mỹ | Hạnh | 23/11/1998 | Tỉnh Bến Tre | Nữ | DHHO12C | 125 | 6,20 | 2,19 | Trung bình |

| STT | Mã SV | Họ đệm | Tên | Ngày sinh | Nơi sinh | Phái | Lớp học | STC TL | TBCT K_10 | TBC TL | Xếp loại TN |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 51 | 16036831 | Đinh Thị Phương | Hoa | 02/12/1997 | Tỉnh Đắk Lắk | Nữ | DHHO12C | 125 | 6,40 | 2,34 | Trung bình |
| 52 | 16037571 | Huỳnh Tấn | Hùng | 30/04/1998 | Tỉnh Quảng Ngãi | Nam | DHHO12C | 125 | 6,50 | 2,44 | Trung bình |
| 53 | 16037091 | Lê Bách | Khoa | 26/01/1998 | Tỉnh Tây Ninh | Nam | DHHO12C | 125 | 6,20 | 2,18 | Trung bình |
| 54 | 16026211 | Trần Ngọc Huỳnh | Như | 14/10/1998 | Tỉnh Tiền Giang | Nữ | DHHO12C | 125 | 6,40 | 2,33 | Trung bình |
| 55 | 16070091 | Ngô Võ Thanh | Ngân | 14/06/1998 | Tỉnh Bình Thuận | Nữ | DHHO12D | 125 | 7,20 | 2,86 | Khá |
| 56 | 16049331 | Nguyễn Thị Hoàng | Yến | 01/12/1998 | Tỉnh Quảng Nam | Nữ | DHHO12D | 125 | 7,10 | 2,86 | Khá |
| 57 | 17016961 | Phạm Thị Ngọc | Mỹ | 24/02/1999 | Tỉnh Tiền Giang | Nữ | DHHO13ATT | 139 | 7,60 | 3,02 | Khá |
| 58 | 18081901 | Nguyễn Thị Ngọc | Hiệp | 21/03/2000 | Thành phố Hồ Chí Minh | Nữ | DHHO14ATT | 142 | 7,20 | 2,86 | Khá |
| 59 | 18096601 | Phan Quốc | Việt | 25/06/2000 | Tỉnh Long An | Nam | DHHO14ATT | 142 | 6,90 | 2,72 | Khá |
| 60 | 19495791 | Nguyễn Thanh | Quách | 18/06/2001 | Tỉnh Quảng Trị | Nam | DHHO15ATT | 146 | 7,10 | 2,84 | Khá |
| 61 | 19478251 | Phương Trung | Văn | 18/09/2001 | Tỉnh Cà Mau | Nam | DHHO15ATT | 146 | 7,50 | 3,06 | Khá |
| 62 | 20126851 | Lê Văn | Bảo | 09/03/1996 | Tỉnh An Giang | Nam | DHHO16BVL | 60 | 7,60 | 3,12 | Khá |
| 63 | 20126561 | Lương Tấn | Huy | 20/10/1995 | Tỉnh Phú Yên | Nam | DHHO16BVL | 60 | 7,20 | 2,98 | Khá |
| 64 | 20126511 | Đoàn Thị Diễm | My | 22/06/1993 | Thành phố Hồ Chí Minh | Nữ | DHHO16BVL | 60 | 7,70 | 3,23 | Giỏi |
| 65 | 20126881 | Phạm Hữu | Nghĩa | 12/02/1994 | Tỉnh Bình Định | Nam | DHHO16BVL | 60 | 7,60 | 3,12 | Khá |
| 66 | 16014481 | Huỳnh Tấn | Lộc | 06/09/1998 | Tỉnh Bình Dương | Nam | DHPT12A | 129 | 6,00 | 2,06 | Trung bình |
| 67 | 16011571 | Phạm Thị Ngọc | Oanh | 20/11/1998 | Tỉnh Bắc Ninh | Nữ | DHPT12A | 129 | 6,90 | 2,59 | Khá |
| 68 | 17074401 | Nguyễn Đại | Phúc | 02/09/1998 | Tỉnh Đồng Nai | Nam | DHPT13A | 125 | 6,90 | 2,69 | Khá |
| 69 | 17086341 | Trần Nguyễn Đông | Vi | 19/11/1999 | Thành phố Hồ Chí Minh | Nữ | DHPT13A | 125 | 8,10 | 3,40 | Giỏi |
| 70 | 18054951 | Trần Tiến | Anh | 02/02/2000 | Tỉnh Đồng Nai | Nam | DHPT14 | 128 | 7,60 | 3,11 | Khá |
| 71 | 18055871 | Nguyễn Gia | Bảo | 21/09/2000 | Tỉnh Long An | Nam | DHPT14 | 128 | 7,10 | 2,87 | Khá |
| 72 | 18062681 | Nguyễn Thị Lệ | Hoa | 21/05/2000 | Tỉnh Khánh Hòa | Nữ | DHPT14 | 128 | 7,90 | 3,29 | Giỏi |
| 73 | 18052001 | Phan Thị Như | Huỳnh | 30/08/2000 | Tỉnh Bến Tre | Nữ | DHPT14 | 128 | 8,00 | 3,32 | Giỏi |
| 74 | 18038631 | Nguyễn Ngọc | Nghĩa | 17/02/2000 | Tỉnh Thừa Thiên Huế | Nam | DHPT14 | 128 | 7,70 | 3,16 | Khá |
| 75 | 18059541 | Phạm Hồng | Phúc | 10/08/2000 | Tỉnh Đồng Nai | Nam | DHPT14 | 128 | 6,90 | 2,64 | Khá |
| 76 | 19438301 | Nguyễn Hoàng Thiên | Ân | 09/01/2001 | Thành phố Hồ Chí Minh | Nữ | DHPT15 | 128 | 7,20 | 2,89 | Khá |
| 77 | 19445141 | Hồ Tá | Huy | 10/05/2001 | Tỉnh Khánh Hòa | Nam | DHPT15 | 128 | 7,50 | 3,07 | Khá |
| 78 | 19489451 | Võ Minh | Khang | 14/12/2001 | Thành phố Hồ Chí Minh | Nam | DHPT15 | 128 | 7,50 | 3,06 | Khá |

| STT | Mã SV | Họ đệm | Tên | Ngày sinh | Nơi sinh | Phái | Lớp học | STC TL | TBCT K_10 | TBC TL | Xếp loại TN |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 79 | 19442931 | Huỳnh Tú | Khanh | 09/10/2001 | Tỉnh Cà Mau | Nữ | DHPT15 | 128 | 7,70 | 3,18 | Khá |
| 80 | 19488131 | Võ Thị Diễm | Kiều | 02/08/2001 | Tỉnh Tây Ninh | Nữ | DHPT15 | 128 | 8,10 | 3,40 | Giỏi |
| 81 | 19470341 | Bùi Ngọc | Lân | 19/05/2001 | Tỉnh Tiền Giang | Nam | DHPT15 | 128 | 7,80 | 3,18 | Khá |
| 82 | 19435551 | Nguyễn Thị Cẩm | Linh | 16/02/2001 | Tỉnh Tây Ninh | Nữ | DHPT15 | 128 | 7,10 | 2,77 | Khá |
| 83 | 19508531 | Nguyễn Thị Mỹ | Ngọc | 29/05/2001 | Tỉnh Cà Mau | Nữ | DHPT15 | 128 | 7,70 | 3,15 | Khá |
| 84 | 19497531 | Đoàn Chúc | Nguyên | 20/08/2001 | Tỉnh Bình Thuận | Nữ | DHPT15 | 128 | 7,30 | 2,93 | Khá |
| 85 | 19436701 | Lê Thiên | Phúc | 11/01/2001 | Tỉnh Tiền Giang | Nam | DHPT15 | 128 | 8,20 | 3,39 | Giỏi |
| 86 | 19515631 | Nguyễn Anh | Quốc | 01/01/2001 | Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu | Nam | DHPT15 | 128 | 7,80 | 3,24 | Giỏi |
| 87 | 19495981 | Lê Quang | Thắng | 14/04/2001 | Tỉnh Bình Phước | Nam | DHPT15 | 128 | 6,90 | 2,72 | Khá |
| 88 | 19444561 | Trần Tiến Công | Thành | 29/08/2001 | Tỉnh Khánh Hòa | Nam | DHPT15 | 128 | 7,00 | 2,73 | Khá |
| 89 | 19492351 | Trương Công | Thành | 22/11/2001 | Tỉnh Thừa Thiên Huế | Nam | DHPT15 | 128 | 7,90 | 3,30 | Giỏi |
| 90 | 19480851 | Đặng Phú | Thịnh | 05/02/2001 | Thành phố Hồ Chí Minh | Nữ | DHPT15 | 128 | 8,50 | 3,56 | Giỏi |
| 91 | 19482231 | Ngô Thị Minh | Thư | 23/07/2001 | Tỉnh Tiền Giang | Nữ | DHPT15 | 128 | 7,00 | 2,78 | Khá |
| 92 | 19534601 | Võ Thị | Thuận | 22/02/2001 | Thành phố Hồ Chí Minh | Nữ | DHPT15 | 128 | 8,70 | 3,70 | Xuất sắc |
| 93 | 19482591 | Hồ Hoàng | Thước | 01/12/2001 | Tỉnh Long An | Nam | DHPT15 | 128 | 8,40 | 3,55 | Giỏi |
| 94 | 19437041 | Lê Thanh | Thuy | 23/05/2001 | Tỉnh Ninh Thuận | Nữ | DHPT15 | 128 | 8,00 | 3,33 | Giỏi |
| 95 | 19434161 | Lê Thị Thanh | Trà | 14/12/2001 | Thành phố Hồ Chí Minh | Nữ | DHPT15 | 128 | 9,00 | 3,84 | Xuất sắc |
| 96 | 19486851 | Lê Thị Thanh | Trà | 08/03/2001 | Tỉnh Đắk Nông | Nữ | DHPT15 | 128 | 7,40 | 2,96 | Khá |
| 97 | 17044721 | Lê Hoàng | Giang | 16/06/1999 | Tỉnh Kiên Giang | Nam | DHVC13A | 125 | 6,80 | 2,64 | Khá |
| 98 | 17012371 | Phan Thái | Sơn | 09/05/1999 | Tỉnh Tiền Giang | Nam | DHVC13A | 125 | 6,80 | 2,65 | Khá |
| 99 | 19535581 | Nguyễn Thị Nhật | Hạ | 19/05/2001 | Tỉnh Lâm Đồng | Nữ | DHVC15 | 128 | 7,60 | 3,18 | Khá |
| 100 | 19535391 | Hồ Ngọc | Nghĩa | 09/10/1999 | Tỉnh Đồng Tháp | Nam | DHVC15 | 128 | 6,90 | 2,69 | Khá |
| 101 | 19445581 | Nguyễn Đăng | Thi | 17/05/2001 | Tỉnh Đồng Tháp | Nam | DHVC15 | 128 | 6,90 | 2,68 | Khá |
| 102 | 19429111 | Hoàng Anh | Thư | 14/06/2001 | Thành phố Hồ Chí Minh | Nữ | DHVC15 | 128 | 7,60 | 3,09 | Khá |
| 103 | 19429131 | Lê Hoàng Trang | Thy | 08/03/2001 | Thành phố Hồ Chí Minh | Nữ | DHVC15 | 128 | 7,00 | 2,75 | Khá |
| 104 | 19433171 | Phạm Võ Phương | Uyên | 06/09/2001 | Thành phố Hồ Chí Minh | Nữ | DHVC15 | 128 | 8,10 | 3,38 | Giỏi |

**Tổng cộng:** **104**

*TP.HCM, ngày 13 tháng 10 năm 2023*